

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-PT

Ngày 26/02/2024

V/v Ly hôn, nuôi con chung, chia
tài sản chung sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Doanh

Bà Đàm Thị Minh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Hiền

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Ánh Dương – Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2023/HNGĐ-PT ngày 07/11/2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung sau ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2023/HNGĐ-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Nguyễn H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1950. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:**

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông và bà Hoàng Thị V chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện N, tỉnh

Bắc Kạn ngày 26/10/2002. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn bắt đầu phát sinh đã nhiều năm nay. Nguyên nhân là do bà V vay tiền, chơi lô đề, cờ bạc, thường xuyên chửi mắng, xúc phạm ông và cha, mẹ ông. Bà V nhiều lần ghen tuông không có cơ sở và làm đơn tố cáo ông lên cơ quan cấp trên, ảnh hưởng đến uy tín danh dự của ông và gia đình ông. Mâu thuẫn đã trải qua nhiều năm khiến ông không còn tình cảm gì với bà V nữa. Vợ chồng ông đã ly thân từ tháng 6 năm 2021. Năm 2022, ông đã làm đơn ly hôn gửi tới Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Tại bản án sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST, ngày 22/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã chấp nhận đơn khởi kiện và cho các bên đương sự được ly hôn. Sau khi có bản án sơ thẩm, bà Hoàng Thị V đã làm đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm, sau đó tại cấp phúc thẩm hai bên đương sự đã hòa giải và quay về đoàn tụ với nhau nên cấp phúc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc xét xử phúc thẩm. Tuy nhiên, sau khi quay về đoàn tụ, ông H thấy giữa các bên vẫn không thể hàn gắn được tình cảm, nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, do vậy ông H kiên quyết xin được ly hôn với bà V.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là anh Hoàng Thủy B, sinh ngày 13/11/1998 và cháu Hoàng Thị Hoa T, sinh ngày 01/02/2006 (anh Hoàng Thủy B và cháu Hoàng Thị H1 Trà đều khỏe mạnh và phát triển bình thường). Anh Hoàng Thủy B hiện đã trên 18 tuổi, đang học đại học, do vậy ông không đặt vấn đề giải quyết, còn cháu T, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu bà V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

3. Về chia tài sản chung:

Quá trình chung sống, ông H xác định hai vợ chồng ông, bà tạo lập được một khối tài sản chung là một ngôi nhà xây hai tầng trị giá 600.000.000 đồng, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản trên thành 4 phần bằng nhau cho 4 người là ông, bà V, ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị V1 (là cha, mẹ đẻ của ông). Sau đó, tại các phiên hòa giải, ông H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án giải quyết phần chia tài sản chung.

4. Về nợ chung:

Ông Hoàng Nguyễn H xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại các bản tự khai, đơn trình bày, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Hoàng Thị V trình bày:**

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà xác nhận về thời điểm chung sống, thời điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của ông H. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn theo bà phát sinh từ năm 2018, nguyên nhân là từ năm 2017 ông H chuyển công tác đến UBND xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đến năm 2018, ông H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Khi về nhà lạnh nhạt, không quan tâm đến bà, bà đã khuyên nhủ ông H nhiều lần nhưng ông H không nhận. Bà có được nộp đơn lên công an xã T vì ông H có hành vi đánh bà và con gái. Sự việc mâu thuẫn giữa vợ chồng ông chính quyền thôn xã đều nắm được. Tuy nhiên, bà V xác định bà vẫn còn tình cảm với ông H do vậy bà không nhất trí ly hôn với ông H.

2. Về con chung:

Bà xác nhận giữa bà và ông H có các con chung như ông H trình bày. Vì không nhất trí ly hôn với ông H nên bà không có ý kiến.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Vì không nhất trí ly hôn với ông H nên bà không có ý kiến.

Tại Bản án sơ thẩm số 06/2023/HNGĐ-ST ngày 21/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Nguyễn H đối với bị đơn bà Hoàng Thị V về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Nguyễn H được ly hôn với bà Hoàng Thị V.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Hoa T, sinh ngày 01/02/2006 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho bị đơn bà Hoàng Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Hoàng Thị H1 Trà đủ 18 tuổi.

Nguyên đơn ông Hoàng Nguyễn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn ông Hoàng Nguyễn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung của hai bên đương sự là cháu Hoàng Thị H1 Trà đủ 18 tuổi hoặc khi nghĩa vụ cấp dưỡng bị chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đình chỉ việc xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn ông H2 Nguyễn Huy .

Sau khi ly hôn, nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các

đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bà Hoàng Thị V kháng cáo đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2023/HNGĐ-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án.

Bị đơn bà Hoàng Thị V có ý kiến: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo:

Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với ông Hoàng Nguyễn H;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Yêu cầu ông H chu cấp cho con gái là Hoàng Thị Hoa T cho đến khi tốt nghiệp đại học;

Yêu cầu ông H quán triệt người thân không được chửi bới, xúc phạm bà.

Về tài sản chung: Yêu cầu được chia tài sản chung và bồi thường tuổi xuân với số tiền 100.000.000 đồng.

Nguyên đơn ông Hoàng Nguyễn H có ý kiến: Giữa ông và bà V đã mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân từ lâu nay ông H xác định không còn tình cảm gì với bà V nên kiên quyết xin ly hôn. Về việc chu cấp cho con ông sẽ có trách nhiệm chu cấp và thực tế hiện nay ông vẫn đang chu cấp nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung: Hiện nay bà V đã tự lấy một số đất ruộng, đất rừng để canh tác và ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà V không có yêu cầu nên đề nghị xem xét trong vụ án khác. Về bồi thường tuổi xuân, tôi không nhất trí.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Hoàng Thị V; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/HNGĐ-ST, ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết, thu thập, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, trình tự, thủ tục phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

- Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Hoàng Nguyễn H và bà Hoàng Thị V chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn ngày 26/10/2002 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Hai bên đều xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Những mâu thuẫn này đều được hai bên gia đình hòa giải, chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết. Cả hai người đều thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Tại phiên tòa phúc thẩm bà V cũng xác định không còn tình cảm với ông H.

Xét thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã thật sự trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Năm 2022, ông H đã làm đơn ly hôn yêu cầu giải quyết việc ly hôn với bà V, tại Bản án sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST, ngày 22/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã chấp nhận đơn khởi kiện và cho các bên đương sự được ly hôn. Sau đó tại cấp phúc thẩm ông H rút đơn khởi kiện quay về đoàn tụ với nhau nên cấp phúc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc xét xử phúc thẩm. Sau khi quay về đoàn tụ, ông H thấy giữa các bên vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Do đó, việc ông H một lần nữa yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà V là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bản án sơ thẩm đã tuyên xử cho ông H được ly hôn với bà V là có căn cứ.

[2.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Vợ chồng ông bà H, V có 02 người con chung là: Anh Hoàng Thủy B, sinh ngày 13/11/1998 và cháu Hoàng Thị H1, sinh ngày 01/02/2006 (cả anh Hoàng Thủy B và cháu Hoàng Thị H1 Trà khỏe mạnh và phát triển bình thường). Anh Hoàng Thủy B đã trên 18 tuổi, do vậy ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng. Đối với cháu T, Bản án sơ thẩm đã tuyên giao cháu T cho bị đơn bà Hoàng Thị V là người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bản án sơ thẩm đã tuyên ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung của hai bên đương sự là cháu Hoàng Thị H1 Trà đủ 18 tuổi. Bà V nhất trí với số tiền cấp dưỡng và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con tốt nghiệp đại học. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm bà Hoàng Thị V yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con tốt nghiệp đại học là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung:

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là ngôi nhà, Tòa án sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu này của nguyên đơn, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung nữa và việc rút một phần yêu cầu của ông H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc do vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bà V đều trình bày do không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về tài sản chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà Hoàng Thị V lại thay đổi ý kiến và yêu cầu Tòa án nếu giải quyết ly hôn thì phải giải quyết vấn đề chia tài sản chung trong vụ án này. Tuy nhiên do yêu cầu này của bà V đề nghị sau khi Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải và công khai chứng cứ và bà V không có đơn yêu cầu. Do vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét giải quyết việc chia tài sản chung trong vụ án này là phù hợp quy định của pháp luật.

Do Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết về việc chia tài sản chung trong vụ án này nên việc bà V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chia tài sản chung không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trường hợp, sau này nếu các bên đương sự có yêu cầu chia tài sản chung, thì có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác sau khi ly hôn.

[2.4] Đối với yêu cầu bồi thường tuổi xuân với số tiền 100.000.000 đồng.

Bà V kháng cáo yêu cầu ông H bồi thường tuổi xuân cho bà với số tiền 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy Bản án sơ thẩm không giải quyết yêu cầu này và pháp luật cũng không có quy định do đó không có căn cứ xem xét, giải quyết.

[2.5] Yêu cầu ông H quán triệt người thân không được chửi bới, xúc phạm bà V.

Đối với yêu cầu trên, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm bà V không có yêu cầu, không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã giải thích pháp luật đối với ông Hoàng Nguyễn H và đề nghị ông H có trách nhiệm tuyên truyền đến người thân của mình chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, đánh giá đầy đủ chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Nguyễn H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2023/HNGĐ-ST, ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

[3] Về án phí:

Bà Hoàng Thị V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 38, Điều 148, khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Hoàng Thị V. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2023/HNGĐ-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

2. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:

Bị đơn Hoàng Thị V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000422 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Ngân Sơn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Thúy